

Số: 2685/QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường ngày 04/07/2019; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 77/TTr-PKT&HT ngày 04/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.

1.2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: Toàn bộ địa giới hành chính của xã Hưng Vũ, với Tổng diện tích tự nhiên khoảng 4.454,49 ha, ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp huyện Bình Gia, huyện Văn Quan;
- Phía Tây giáp xã Chiêu Vũ, xã Vũ Lăng - huyện Bắc Sơn;
- Phía Nam giáp xã Trấn Yên - huyện Bắc Sơn;
- Phía Bắc giáp xã Bắc Quỳnh- huyện Bắc Sơn;

b) Quy mô dân số lập quy hoạch:

** Quy mô dân số:*

- Dân số năm 2021: 4.612 người, với 1.048 hộ.
- Dân số năm 2023: 4.710 người, với 1.055 hộ.
- Dân số năm 2024: khoảng 4.881 người, với 1.061 hộ.
- Dân số đến năm 2025 Dự báo: khoảng 4.990 người, với 1.080 hộ.
- Dân số đến năm 2030 Dự báo: khoảng 5.610 người.
- Tốc độ gia tăng dân số trung bình mỗi năm khoảng 1,35 %;

** Lao động:*

- Dân số trong độ tuổi lao động năm 2023 là: 2.826 người, chiếm 61,0% dân số;
- Dự báo năm 2025 số lao động của xã là khoảng 3.245 người, chiếm khoảng 65,0% dân số;
- Dự báo năm 2030 số lao động của xã là khoảng 3.815 người, chiếm khoảng 68,0% dân số.

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Quan điểm:

- Phát huy thế mạnh địa phương; Có chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn phù hợp với thực tiễn địa phương - Phù hợp với định hướng quy hoạch vùng huyện, tỉnh;
- Bảo đảm an ninh Quốc phòng, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Phát triển bền vững;
- Phát triển kinh tế - xã hội của xã Hưng Vũ gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Xây dựng khu trung tâm xã hiện đại hài hòa, tiến tới áp dụng với các tiêu chuẩn đô thị.

2.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng xã Hưng Vũ trở thành xã nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2021-2025 trở thành xã nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn 2026-2030 theo kế hoạch của huyện; có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống, thương mại và dịch vụ, xây dựng nông thôn phát triển, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp - thương mại dịch vụ.

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ

tướng Chính phủ và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 được duyệt tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn để làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện và định hướng phát triển kinh tế của xã trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Quy hoạch chung xây dựng xã Hung Vũ được định hướng hạ tầng khung phát triển đô thị loại V; thực hiện quy hoạch xây dựng theo lộ trình, góp phần cho việc phát triển đạt tiêu chí đô thị loại V theo lộ trình được duyệt tại Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Tính chất, chức năng của xã:

- Với các đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên hiện trạng của xã, về cơ bản xã Hung Vũ là một xã thuần nông, kinh tế chủ yếu của xã vẫn dựa vào sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức dân cư nằm xen kẽ với các diện tích canh tác và rải rác dọc các đường giao thông trục xã, trục thôn. Tuy nhiên tính chất khu ở của xã đã được hình thành trên cơ sở các khu tập trung trở thành khu trung tâm xã, trung tâm thôn. Hình thái chính của nhà ở là nhà dân tự xây (nhà lô phố; nhà vườn ...) theo dạng thức ở đô thị và ở nông thôn, kết hợp với cây trồng vật nuôi.

- Vì cơ cấu tổ chức không gian hiện có trên địa bàn xã, cần phải nghiên cứu tổ chức không gian toàn xã, bổ sung các điểm dân cư tập trung kết hợp với mô hình ở nông thôn và hình thành khu vực trung tâm xã theo hướng xây dựng hình thành đô thị. Tại các điểm dân cư tập trung có kèm theo các thiết chế văn hóa và hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đời sống an sinh xã hội cũng như tiêu chí nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của bộ tiêu chí Quốc Gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới Nâng Cao theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ và bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới Nâng Cao theo bộ tiêu chí do UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành.)

- Sản xuất nông nghiệp vẫn là mũi nhọn trong định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn xã. Định hướng xây dựng phát triển kinh tế-xã hội trong đó tập trung chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, tạo mọi điều kiện và khuyến khích nhân dân tích cực cải tạo vườn tạp, phát triển trồng cây ăn quả có múi, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản tại các ao nhỏ, đập hồ, lớn. Đẩy mạnh đa dạng hóa thêm các ngành nghề khác trong xã hội thuộc các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, Tận dụng những lợi thế từ môi trường, cảnh quan đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái- lịch sử- văn hóa, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng khu trung tâm xã khang trang hiện đại quy củ tiến gần với những tiêu chuẩn đô thị, thay đổi bộ mặt của xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học; khuyến khích tăng dân số tự nhiên.

3. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

- Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của địa phương, các nguồn tài nguyên, các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, huyện, thì giai đoạn tới thì xã vẫn là xã thuần nông phát triển kinh tế chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, và dịch vụ thương mại nhỏ. Với các hình thức sản xuất chính như sau:

+ Về sản xuất nông nghiệp: Kết hợp sản xuất nông - lâm nghiệp, với các loại hình như chuyên canh lúa kết hợp với cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày, mô hình canh tác vườn đồi kết hợp, trồng cây lâu năm những loại cây có múi, chăm sóc rừng trồng... Phát triển một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế trên địa bàn để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế xã hội, nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp gắn với vùng du lịch cộng đồng góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân. Xây dựng khu trung tâm xã với những định hướng và tiêu chuẩn đô thị. Tạo bước đệm để hình thành phát triển khu vực thị tứ trong tương lai.

+ Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại tập trung kết hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ theo mô hình kinh tế hộ gia đình.

+ Sản phẩm chủ đạo là các sản phẩm nông nghiệp: lúa, ngô, rau màu ... và các sản phẩm nguyên liệu từ trồng rừng.

+ Mặc dù kinh tế nông nghiệp và công nghiệp khai khoáng vẫn đóng vai trò chủ đạo nhưng trong giai đoạn tới ngành như: thương mại và dịch vụ; du lịch sinh thái kết hợp với du lịch cộng đồng; ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản, phát triển các hợp tác xã, khai thác vật liệu xây dựng,... sẽ chiếm tỷ trọng nhất định trong thành phần kinh tế của địa phương

+ Khả năng thị trường và đầu ra: Phục vụ nhu cầu của địa phương và các vùng lân cận; cung cấp nguyên liệu và chế biến tại địa phương, và các cơ sở sản xuất khác trong vùng.

+ Định hướng giải quyết: đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất nhằm nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm.

+ Cần tiếp tục nhân rộng các hình thức hợp tác xã, doanh nghiệp, quy hoạch sản xuất khoanh vùng các loại cây, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo động lực phát triển kinh tế. Chú trọng phát triển các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

+ Dự báo đến năm 2030 kinh tế xã Hưng Vũ phát triển theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, nhưng vẫn giữ được trọng tâm phát triển nông-lâm nghiệp. Chất lượng, sản lượng sản phẩm nông lâm nghiệp được nâng cao, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển mô hình kinh tế trang trại. Bên cạnh đó hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn bằng cách xây dựng một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp phục vụ gia công thô sản phẩm nông nghiệp và đẩy mạnh thương mại dịch vụ, kết hợp du lịch văn hóa- lịch sử- sinh thái- cảnh quan tận dụng những tiềm năng sẵn có tại địa phương tăng thu nhập cho người dân, ít tác động lớn tới môi trường sinh thái.

4. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: (chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)

5. Nội dung quy hoạch chung:

5.1. Phân khu chức năng:

a) Nguyên tắc:

- Triệt để tận dụng và kế thừa cơ sở hiện có;
- Thực hiện từng bước xây dựng theo hướng đô thị hóa nông thôn.
- Tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất ruộng, khai thác sử dụng đất đồi rừng vào mục đích xây dựng.

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trồng chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm xã, thôn.

b) Cơ cấu quy hoạch, phân khu chức năng:

- Khu trung tâm: tổ chức thành 2 cấp gồm trung tâm xã và trung tâm thôn.
- Khu dân cư: Khu ở cũ, khu dân cư cải tạo, khu ở mới.

+ Trung tâm xã được xác định tại các thôn Mỏ Nhài, Hiệp Lực qua các thời kỳ đã được đầu tư xây dựng các công trình cơ bản của một đơn vị hành chính cấp xã. Định hướng mở rộng sang thôn An Ninh xây dựng hoàn thiện khu trung tâm xã theo hướng hiện đại, bài bản và quy củ. Các công trình được phát triển theo hướng mở rộng trên cơ sở hiện tại, vị trí tập trung, giao thông thuận tiện đảm bảo phối hợp hoạt động, thuận tiện đáp ứng nhu cầu của người dân trên toàn xã; hoàn thiện cơ sở vật chất cho trong hoạt động hành chính; bên cạnh đó xây dựng mới một số công trình còn thiếu hoặc đã xuống cấp, không đủ tiêu chuẩn quy mô tối thiểu trên cơ sở các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030. Tạo điểm nhấn thu hút tại khu trung tâm xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học, từ đó giải quyết vấn đề về lao động, phát triển kinh tế - xã hội theo những mục tiêu đã đề ra.

+ Trung tâm thôn: là khu tập trung dân cư của từng thôn; bao gồm công trình nhà văn hóa thôn, điểm vui chơi giải trí TDTT sinh hoạt cộng đồng. Hiện trên địa bàn các thôn cơ bản đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu đất xây dựng các nhà văn hóa thôn hiện đã cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 200m², một số nhà văn hóa thôn chưa đảm bảo hội trường nhà văn hóa thôn phải đảm bảo phục vụ từ 150 chỗ ngồi trở lên và còn thiếu sân chơi bãi tập, vì vậy hướng quy hoạch hiện tại là cải tạo xây dựng các nhà văn hóa thôn chưa đạt chuẩn, cũng như bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tại các thôn, ngoài ra các sân thể dục thể thao thôn cũng cần được cải tạo bổ sung cơ sở vật chất.

Bảng 01. Tổng hợp Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội.

TT	Công trình	Tên thôn	Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích Quy hoạch (m ²)	Tăng (+) Giảm (-) (m ²)
1	Trụ sở UBND xã	Mỏ Nhài	1.036,6	1.036,6	0
	Trụ sở UBND xã QH mới.	An Ninh	0	2.000	+2.000
2	Trạm y tế xã	Mỏ Nhài	1.904	1.904	+0
3	Công an xã	An Ninh	0	1.000	+1.000
4	Ban chỉ huy QS xã	An Ninh	0	400	+400
5	Trường mầm non xã	Minh Đán	2.414,3	3.033,4	+1.361,5
6	Trường Tiểu Học xã	Nông Lục	2.670	3.605,7	+1.019,2
7	Điễm trường Tiểu học Tam Hoa (chuyên đổi mục đích sử dụng thành đất trụ sở cơ quan)	An Ninh	2.968,5	0	-2.968,5
8	Trường THCS xã	Mỏ Nhài	4.136,6	5.136,6	+1.000
9	Nhà văn hóa xã	An Ninh	1.450	1.450	+0
10	Sân thể thao xã	An Ninh	4.258,1	0	-4.258,1
	Sân thể thao QH mới	Hiệp Lục	0	11.900	+11.900
11	Nhà văn hóa thôn và sân TDTT các thôn	Các thôn			0
12	Bưu điện xã	Mỏ Nhài	264	264	0
13	Thao trường bắn dân quân tự vệ	Ma Hìn	0	14.000	+14.000
14	Chợ xã	Mỏ Nhài	4.556	4.556	0

Bảng 02. Tổng hợp quy hoạch Nhà văn hóa, sân TDTT các thôn:

STT	NHÀ VĂN HÓA THÔN	Hiện trạng đã XD: (x)	Diện tích đất XD (m ²)	Quy hoạch
1	Thôn Nà Nuầy	x	624,4	Giữ nguyên theo TC NTM NC, có sân TDTT 474,4 m ²
2	Thôn An Ninh	x	460,5	Giữ nguyên theo TC NTM NC, có sân TDTT 303,0 m ²
		x	669,0	có sân TDTT 519,0 m ²
3	Thôn Ma Hìn	x	721,4	Giữ nguyên theo TC NTM NC
4	Thôn Mỏ Nhài	x	300,0	Đã hoàn thành cải tạo NVH, mở mới sân TDTT thôn quy mô tối thiểu 200 m ²
5	Thôn Hiệp Lục	x	404,6	Đã hoàn thành cải tạo Giữ nguyên theo TC NTM NC
6	Thôn Minh Đán	x	510,0	Giữ nguyên theo TC NTM NC
		x	945,0	

7	Thôn Xuân Giao	x	373,6	<i>Đã hoàn thành cải tạo</i> Mở mới sân TDTT thôn quy mô tối thiểu 200 m ²
8	Thôn Nông Lục	x	200,0	Mở mới sân TDTT thôn quy mô tối thiểu 200 m ²
9	Thôn Tiên Hội	x	901,6	Giữ nguyên theo TC NTM NC
10	Thôn Lương Minh	x	437,0	<i>Đã hoàn thành cải tạo</i> Giữ nguyên theo TC NTM NC
		x	292,0	Giữ nguyên theo TC NTM NC

5.2. Định hướng quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn.

- Định hướng: Là xã dự kiến thực hiện xây dựng thành đô thị loại V theo quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế chủ đạo theo hướng thương mại - dịch vụ trên cơ sở phát huy các giá trị của ngành nông nghiệp tại địa phương. Do đó, trên địa bàn xã Hưng Vũ cần quy hoạch các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, giữ lại đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với định hướng của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 được duyệt tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn; phải thực hiện quản lý theo quy chế quản lý kiến trúc đối với phát triển từng khu vực.

- Nguyên tắc tổ chức điểm dân cư nông thôn:

+ Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet, Nhà văn hóa,... xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

+ Các khu dân cư có mật độ cao có các một điểm thu gom rác tập trung. Các khu ở phân tán thì hạn chế xây dựng.

- Quy hoạch các điểm dân cư mới và các khu dân cư hiện hữu:

+ Mở mới dọc theo tuyến đường trục xã ĐT.243, ĐH78 các tuyến đường trục thôn từ 50-80m tính từ lề đường- đảm bảo giao thông cho các lớp nhà phía trước phía sau thuận tiện;

+ Khu trung tâm: được xác định tại các thôn Mỏ Nhài, thôn Hiệp Lục và thôn An Ninh dọc tuyến đường ĐT243 từ ngã ba đường vào K818 đến hết địa phận xã (giáp xã Trấn Yên) và dọc tuyến đường ĐH78 từ ngã ba giao đường ĐT243 đến điểm giao cắt đường ĐH78 với đường trục chính quy hoạch mới, nhà ở có diện tích nhỏ (150 - 250 m²) các hộ phía trước có thể kết hợp vừa ở và kinh doanh dịch vụ tạo thành khu dân cư tập trung.

+ Thôn xóm ven các sườn đồi, núi được bố trí thành các dải và lớp. Lớp nhà phía trước là nhà nông thôn (diện tích khoảng trên 300m²), có thể có kinh doanh dịch vụ nhỏ. Lớp nhà phía sau với diện tích và quy mô rộng hơn (600 - 3000 m²- Bao gồm cả diện tích vườn - rừng đồi) được xây dựng theo mô hình nhà ở kết hợp vườn đồi - trồng rừng.

+ Mở rộng xen cây đất ở mới trên cơ sở các khu dân cư cũ ở những khu vực thuận lợi cho xây dựng tại khu vực trung tâm xã, trung tâm thôn;

+ Khu dân cư hiện trạng cải tạo, chỉnh trang.

Các vị trí quy hoạch đất ở mới cụ thể trên bản đồ ký hiệu QH:05/05 định hướng phát triển không gian toàn xã, tổng diện tích quy hoạch chuyển đổi sang đất ở mới là khoảng 55,95 ha.

5.3. Định hướng tổ chức không gian xã.

a) Định hướng.

Đối với các công trình công cộng, khuyến khích giải pháp thiết kế xây dựng phải tính đến phương án phòng, chống thiên tai biến đổi khí hậu; về mật độ xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và phải đúng theo hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành đối với từng loại công trình.

b) Quy hoạch tổ chức hệ thống các công trình công cộng.

* *Quy hoạch khu hành chính - công sở xã:* Tổng quy mô toàn bộ khu đất khoảng 9.879 m² tại thôn An Ninh (bao gồm: diện tích chuyển đổi từ đất điểm trường Tiểu học Tam Hoa diện tích 2.968 m²; Đất sân TDĐT diện tích 3.126,0 m²; Đất xây dựng khu nhà văn hóa xã diện tích 1.450 m², Khoảng 1.000m² diện tích đất xây dựng dãy nhà cấp 4 hiện tại trụ sở công an xã đang làm việc. Đất trồng cây hàng năm từ các thửa đất xung quanh, diện tích khoảng 1.335m²), gồm các công trình hạ tầng xã hội sau:

- *Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã:* Quy hoạch vị trí mới tại thôn An Ninh diện tích tối thiểu đạt 2.000 m², đầu tư xây dựng mới. Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã hiện trạng quy hoạch thành đất công cộng, quy mô khoảng 1.036m².

- *Ban chỉ huy quân sự xã:* Quy hoạch mới tại vị trí thuộc thôn An Ninh quy mô diện tích đất xây dựng khoảng 400 m², đầu tư xây dựng mới.

- *Trụ sở công an xã:* Quy hoạch mới tại vị trí thuộc thôn An Ninh quy mô diện tích đất xây dựng tối thiểu 1000m².

- *Nhà Văn hóa xã:* Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng hiện trạng khoảng 1.450m² tại thôn An Ninh, hội trường Nhà văn hóa xã đảm bảo quy mô 200 chỗ ngồi trở lên; Đầu tư bổ sung trang thiết bị phục vụ sinh hoạt văn hóa, hội họp cho cộng đồng dân cư xã, tổ chức cây xanh khuôn viên...

** Công trình khác:*

- *Trạm y tế xã:* Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất tại thôn Mỏ Nhài, cải tạo, nâng cấp đảm bảo đáp ứng theo quy định.

- *Buru điện xã:* Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng hiện thuộc thôn Mỏ Nhài, hiện đã đảm bảo theo tiêu chuẩn; Cải tạo, bổ sung trang thiết bị hoàn thiện chức năng hoạt động.

** Công trình giáo dục:*

- *Trường Mầm non xã Hưng Vũ*: Giữ nguyên vị trí tại thôn Minh Đán, quy hoạch mở rộng quy mô xây dựng về phía Bắc khu đất hiện trạng thêm khoảng: 1.361,5m², nâng tổng diện tích quy mô khu đất khoảng 3.033,42 m²; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị học tập, sân chơi, bãi tập... Mục tiêu xây dựng trường Mầm non xã đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 12m²/ chỗ học với dự báo số trẻ mầm non đến năm 2030 khoảng 280 trẻ, đảm bảo về bán kính phục vụ. Giai đoạn sau 2030 dự báo số trẻ khoảng 400 trẻ, tiếp tục quy hoạch mở rộng khoảng 1.000m² đảm bảo cơ sở vật chất đối với trường Mầm non theo tiêu chuẩn quy hoạch đối với đô thị loại V.

- *Trường Tiểu học xã Hưng Vũ*: Giữ nguyên vị trí tại thôn Nông Lục, quy hoạch mở rộng quy mô khu đất hiện tại về phía Bắc thêm khoảng 1.019,16 m², nâng tổng diện tích khu đất xây dựng trường Tiểu học xã lên khoảng 3.605,7m²; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị học tập,... Mục tiêu xây dựng trường Tiểu học đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/chỗ học, với dự báo số học sinh khối tiểu học đến năm 2030 khoảng 360 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 1-2 km, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia cơ sở vật chất cấp độ 2. Phân trường Tiểu học Tam Hoa chuyển đổi thành đất trụ sở công cộng.

- *Trường THCS xã Hưng Vũ*: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hiệp Lục và thôn Mỏ Nhài, quy mô hiện trạng khoảng 4.136,6 m²; Định hướng quy hoạch mở rộng thêm khoảng 1.000 m² về phía Nam khu đất hiện trạng; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị học tập, sân chơi, bãi tập... Mục tiêu xây dựng trường THCS xã đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/chỗ học, với dự báo số học sinh khối THCS đến năm 2030 khoảng 350 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 2-3km, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia cơ sở vật chất cấp độ 2.

** Công trình văn hoá:*

- *Nhà văn hóa các thôn*: đảm bảo 10/10 thôn có nhà văn hóa thôn; Nhà văn hóa thôn có hội trường 150 chỗ ngồi trở lên, có sân TDTT đơn giản theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao, cần đảm bảo tối thiểu tổng diện tích đất xây dựng nhà văn hóa thôn và sân TDTT đơn giản là 400 m² trở lên. (Diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa thôn tối thiểu là 200m², sân TDTT thôn tối thiểu là 200m²)

- *Khu trung tâm thể dục thể thao xã*: Quy hoạch mới sân TDTT thuộc thôn Hiệp Lục, quy mô khoảng 1,1ha đảm bảo bố trí sân bóng đá 11 người 120x90m, đầu tư xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn của tiêu chí văn hóa của bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao và định hướng theo tiêu chuẩn sân Thể dục thể thao cơ bản của đô thị loại V. Toàn bộ diện tích đất sân TDTT hiện tại thuộc thôn An Ninh chuyển thành đất sân chung khu hành chính công sở xã mới.

- *Sân thể dục thể thao thôn*: Đối với xã Hưng Vũ tất cả các thôn đều đã có nhà văn hóa thôn và sân thể dục thể thao thôn đảm bảo quy mô diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa thôn và sân TDTT thôn. Vì vậy phương án Quy hoạch đối với nhà văn hóa- sân TDTT các thôn trên địa bàn xã hầu hết là cải tạo, nâng cấp

những nhà văn hóa thôn đã xuống cấp, chưa đạt hội trường từ 150 chỗ ngồi trở lên, bổ sung cơ sở vật chất.

- Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh khu dân cư tối thiểu $4\text{m}^2/\text{người}$ trở lên theo tiêu chuẩn.

** Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích.*

Tuyên truyền nâng cao nhận thức để thực hiện tốt Luật Di Sản văn hóa; Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Tăng cường quản lý Nhà nước trong công tác quản lý, tu bổ và phục hồi di tích; Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thực hiện kiểm kê đất đai với các di tích lịch sử. Cải tạo, bảo tồn và đầu tư mở rộng xây mới đối với các di tích lịch sử như:

- Di tích quốc gia đặc biệt Đồn Mỏ Nhài (Diện tích khu vực I khoảng 0,53ha; Diện tích khu vực II khoảng 7,28ha; Diện tích mở rộng ngoài khu vực II thêm khoảng 122,18 ha).

- Di tích quốc gia đặc biệt Đình Nông Lục thuộc thôn Nông Lục (Diện tích khu vực I khoảng 0,151ha; Diện tích khu vực II khoảng 0,345ha; Diện tích mở rộng ngoài khu vực II thêm 3,09 ha).

- Di tích quốc gia Làng Minh Đán thuộc thôn Minh Đán (Diện tích khu vực I khoảng 0,103ha; Diện tích khu vực II khoảng 1,094ha).

- Di tích quốc gia Lân Áng (Lân Áng) thuộc thôn Lương Minh (Diện tích khu vực I khoảng 1,146ha; Diện tích khu vực II khoảng 0,842ha).

- Mở rộng Đình Xuân Giao thuộc thôn Xuân Giao (Quy mô 575m^2 mở rộng thêm $927,5\text{m}^2$).

Cải tạo, bảo tồn đối với các di tích, cơ sở tín ngưỡng như:

- Các miếu thờ, đình, đền, chùa khác trên địa bàn các thôn trên địa bàn xã: Cụ thể có 2 miếu thờ trên địa bàn thôn Mỏ Nhài.

- Đo đạc khoanh vùng bảo vệ với di tích được kiểm kê khoa học Búp Hủi thuộc thôn Nông Lục.

- Quy hoạch xây dựng bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại thôn An Ninh quy mô khoảng 400m^2 .

** Công trình công cộng khác:*

- Thao trường bắn dân quân tự vệ: quy hoạch tại (khu Lân Bắng) thôn Ma Hin, quy mô khoảng 1,4 ha.

- Quy hoạch bãi tập kết, trung chuyển mà rác thải tại vị trí thuộc thôn Lương Minh (gần mỏ đá vôi Lũng Khứ), quy mô khoảng 2.500m^2 , rác thải được tập trung thu gom sau đó đưa đến bãi xử lý rác thải tập trung.

** Công trình dịch vụ thương mại-dịch vụ, du lịch:*

- Chợ xã: Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng hiện tại thuộc thôn Mỏ Nhài, chợ xã hiện đã có 1 nhà điều hành và 4 dãy chợ được xây dựng kiên cố, đảm bảo hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa tại địa phương, đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ hạng 3. Định hướng trong giai đoạn 2021-2030 hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu trung tâm và quanh khu chợ.

- Ngoài chợ xã, các công trình dịch vụ thương mại được bố trí dọc theo tuyến giao thông liên xã ĐT243, ĐH78, khu vực trung tâm xã và trung tâm các thôn chủ yếu theo mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại phục vụ nhu cầu thiết yếu cho các hộ gia đình trong xã.

- Các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm thu hút khách du lịch, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho nhân dân tộc tại các khu vực thích hợp có cảnh quan thu hút. Quy hoạch điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Tam Hoa, quy mô khoảng 124 ha thuộc các thôn Ma Hin, Tam Hoa và An Ninh.

6. Định hướng tổ chức sản xuất:

6.1. Vùng sản xuất nông - lâm nghiệp:

Dựa trên điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất của xã, quy hoạch thành các vùng sản xuất tập trung. Trong đó, chủ yếu là 02 vùng sản xuất chính: Lúa mùa, thuốc lá và vùng chuyên màu (gồm các loại cây hàng năm: ngô khoai, lạc, đậu đỗ tương các loại...). Bên cạnh đó, xã tiến hành kết hợp ưu tiên cây công nghiệp ngắn ngày mang lại hiệu quả kinh tế cao như cây dược liệu, chè, cây cảnh, lạc đậu,... cụ thể tại bảng sau:

Bảng 03. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp cây hàng năm

TT	Tên vùng sản xuất	Vị trí
1	Vùng 1: Lúa mùa, thuốc lá	- Thôn Nà Nuây, thôn Minh Đán, thôn Lương Minh, thôn Nông Lục, thôn Ma Hin, thôn An Ninh, thôn Hiệp Lực. - Dọc đường ĐT.243 và ĐH.78
2	Vùng 2: chuyên màu và cây hàng năm (lạc, đậu đỗ, khoai lang các loại.v.v.v)	- Thôn Lương Minh, thôn Xuân Giao, thôn Minh Đán, thôn Ma Hin, thôn An Ninh, thôn Nông Lục, thôn Hiệp Lực và thôn Tiên Hội.

- Vùng sản xuất theo mô hình Vườn - Rừng: khu vực giáp vùng trồng rừng sản xuất chủ yếu thuộc một số thôn như: thôn Ma Hin, thôn Tiên Hội, thôn Nà Nuây, thôn An Ninh;

- Vùng trồng cây lâu năm, cây ăn quả: xen kẽ tại các lân giáp khu vực trồng cây hàng năm trên địa bàn các thôn toàn xã.

- Vùng trồng rừng sản xuất: Định hướng đến năm 2030, tổng diện tích đất trồng rừng trên địa bàn xã chiếm khoảng 61,53% diện tích toàn xã, tập trung phát triển lấy gỗ, lựa chọn những loại cây mang lại nguồn lợi kinh tế cao, phù hợp với

đặc điểm khí hậu địa phương... tập trung chủ yếu tại các thôn: thôn Nà Nuây, thôn Ma Hin, nằm về ranh giới phía Tây Nam của xã là chủ yếu.

- Vùng trồng rừng phòng hộ: Định hướng đến năm 2030, tổng diện tích đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn xã chuyển đổi hầu hết sang thành đất rừng sản xuất, diện tích rừng phòng hộ còn lại định hướng khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên kết hợp trồng bổ sung các loại cây đa dạng, đa tác dụng ở những nơi có điều kiện. Đáp ứng được chức năng phòng hộ và bảo vệ đất, chống xói mòn sạt lở đất. Đề xuất các loại cây thông, trám, sấu, hồi, sớ... phân nhỏ diện tích rừng phòng hộ còn lại này tập trung chủ yếu tại thôn Ma Hin.

- Định hướng đối với ngành lâm nghiệp xã: Phát triển các vùng sản xuất tập trung: Vùng trồng cây lấy gỗ, vùng trồng dược liệu dưới tán rừng. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, nâng cao chất lượng rừng trồng. Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ tốt rừng phòng hộ, quản lý bền vững tài nguyên rừng.

- Khu chăn nuôi tập trung: Mở mới khu chăn nuôi Lân Mòn tại khu vực thôn Lương Minh quy mô khoảng 26,1ha.

- Tiếp tục cải tạo và phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản ao nuôi trồng thủy sản hiện có (khoảng 6,00 ha), tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp khí hậu, điều kiện địa phương.

6.2. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại:

Bố trí quy hoạch một số điểm tiểu thủ công nghiệp dọc đường ĐT.243, các đường xã, đường trục thôn, liên thôn tại khu vực trung tâm xã khu vực trong tâm thôn, giáp các vùng sản xuất nông nghiệp. Chủ yếu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (gia công thô sản phẩm nông-lâm nghiệp, chế biến gỗ, sấy thuốc lá, tách dầu lạc,...)

- Khu vực khai thác vật liệu xây dựng: Quy hoạch mỏ đá vôi Lùng Khứ I

- Quy hoạch cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Quy hoạch các Cơ sở chế biến thô các sản phẩm nông - lâm nghiệp tại các thôn quanh khu vực trung tâm xã, dọc tuyến đường trục chính và gần các vùng trồng chuyên canh. Phù hợp và thuận tiện trong việc vận chuyển hàng hóa và thu mua các sản phẩm.

Khu vực kinh tế dịch vụ: Đầu tư xây dựng trung tâm xã, phát triển hộ gia đình kết hợp với kinh doanh dịch vụ nhằm phục vụ tốt nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân địa phương trước mắt và khách du lịch. Quy hoạch khu thương mại: trưng bày các sản phẩm đặc trưng của địa phương, sản phẩm nông lâm nghiệp và các sản phẩm văn hóa giới thiệu nét văn hóa riêng đến với du khách và người dân địa phương; tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức tự hào gìn giữ đối với các di tích lịch sử với người dân địa phương nói riêng và người dân toàn huyện nói chung, từ đó thu hút giới thiệu lịch sử nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch đối với du khách. Khu vực thuận lợi để quy hoạch xây dựng là tại trung tâm xã, khu vực liền kề các địa điểm di tích lịch sử, văn hóa.

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

Với mục tiêu xây dựng xã theo tiêu chuẩn nông thôn mới Nâng Cao cho giai đoạn đến năm 2025; giai đoạn từ 2025 đến năm 2030 xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật định hướng theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Yêu cầu đặt ra cho quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật xã là đảm bảo hoàn thiện chuẩn bị cho một đô thị mới phát triển trong tương lai do vậy mục tiêu của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật hướng tới và áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật cho đô thị theo nội dung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, như sau:

- Giao thông đối ngoại (đường liên xã):

+ Đối với tuyến đường trục chính ĐT.243 nâng cấp theo định hướng chung của bộ GTVT. Toàn bộ đoạn đường ĐT.243 nằm trên địa bàn xã giữ nguyên hiện trạng tim đường, đoạn qua trung tâm xã điều chỉnh phát triển mở rộng về 2 bên lòng đường nhựa át phan, quy mô mặt cắt 19,0 m; Mặt cắt ngang điển hình (Mặt cắt 1-1).

+ Quy hoạch mở mới tuyến đường qua trung tâm xã, nối từ ĐT243 - ĐH78 đảm bảo 4 làn xe, quy mô mặt cắt 20m, có thể bố trí dải phân cách; Mặt cắt ngang điển hình (Mặt cắt 2-2).

+ Đối với tuyến đường ĐH78 thực hiện cải tạo, nâng cấp theo quy hoạch ngành. Định hướng quy hoạch đảm bảo 2 làn xe, quy mô mặt cắt 17m; Các tuyến đường ĐH70, ĐH72 thực hiện cải tạo, nâng cấp theo quy hoạch ngành.

- Giao thông đối nội:

+ Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông liên xã đạt tối thiểu chuẩn cấp A miền núi chỉ giới đường đỏ 12,5 ÷ 15,0m, mặt đường tối thiểu rộng 7,0m, kết cấu áo đường bê tông xi măng; Mặt cắt ngang điển hình (Mặt cắt 3-3)

+ Đường quy hoạch mới khu trung tâm xã đảm bảo mặt đường tối thiểu 9m, vỉa hè từ 3m; Mặt cắt ngang điển hình (Mặt cắt 2'-2').

+ Đường trục chính thôn: nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn, đảm bảo chỉ giới đường đỏ từ 13m trở lên; Mặt cắt ngang điển hình (Mặt cắt 4-4).

+ Đường trục thôn: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đảm bảo bề rộng tối thiểu của mặt đường là 5m, hè + rãnh thoát nước tối thiểu 1m cho mỗi bên.

+ Đường ngõ xóm: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đảm bảo bề rộng tối thiểu của mặt đường là 3,5m, hè + rãnh thoát nước tối thiểu 0,5m cho mỗi bên.

+ Quy hoạch mở mới một số tuyến giao thông cụ thể trong trong mục dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giao thông. Hệ thống đường trong điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Tam Hoa sẽ được cụ thể hoá tại đồ án quy hoạch chi tiết của dự án, tuy nhiên cần đảm bảo tính khả thi về kết nối giao thông, an toàn, tôn trọng cảnh quan tự nhiên khu vực và bảo vệ môi trường.

- Giao thông tỉnh:

+ Tổ chức bãi đỗ xe, vịnh đỗ xe tại các công trình công cộng, trường học, đặc biệt là trường mầm non và trường tiểu học.

+ Các tuyến giao thông cắt 1 làn xe 3,0m ÷ 3,5m có chiều dài ≥ 150 m phải có điểm quay xe.

+ Đảm bảo tiêu chuẩn bãi đỗ xe đô thị theo quy định.

- Chỉ giới đường đỏ: đối các khu vực trục đường chính, đường ĐT243, đường ĐH78, đường giao thông đối ngoại, các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, công trình hỗn hợp, nhà ở riêng lẻ chỉ giới xây dựng lùi so với chỉ giới đường đỏ như sau: đường ĐT243 $\geq 5,0$ m; đường trục chính quy hoạch mới nối ĐT243 - ĐH78 $\geq 3,5$ m.

7.2. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền:

- Tận dụng tối đa nền xây dựng hiện trạng, san nền cục bộ theo từng công trình, cụm công trình, cân bằng đào, đắp đảm bảo thoát nước thuận lợi.

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng thôn sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn của từng thôn trên địa bàn xã. Các khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở giữ nguyên cốt hiện trạng. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt ($H_{Lũ\ max}$). Các công trình công cộng cần tôn nền tới cao độ $H_{Lũ\ max} + (0,3 - 0,5)$ m.

b) Thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống đơn giản, phù hợp với địa hình miền núi, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng bổ xung các tuyến mương hở, mương nắp đan ở các tuyến đường thôn tại các vị trí khe tụ thủy nhằm thoát lũ nhanh trong mùa mưa lũ.

- Xây dựng hệ thống hồ, đập nhỏ, hạn chế lũ quét mùa mưa, trữ nước canh tác mùa khô, hạn chế xói mòn hữu cơ của đất.

- Khai thác vật liệu xây dựng và khoáng sản cần được thông qua các dự án được duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

- Hướng thoát chủ đạo theo hướng Tây-Bắc sang phía Đông và Đông - Nam, theo hệ thống mương chảy ra các khe tụ thủy, khe suối và chảy ra suối suối chính và các nhánh suối phụ lớn nhỏ, hồ chứa nước trên địa bàn xã.

7.3. Cấp nước.

- Dự báo nhu cầu dùng nước đến năm 2030 trên địa bàn xã là 707,21 m³/ng.đ.

+ Theo đánh giá hệ thống các khe suối, hồ hiện tại có khả năng cung cấp nước cho sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Nước sinh hoạt hiện xã vẫn đang sử dụng một số nguồn nước như: nguồn tự chảy từ các khe núi, nguồn nước ngầm từ các giếng khoan theo quy mô gia đình; Nguồn nước sản xuất chủ yếu từ hệ thống

suối, hồ Tam Hoa là hồ chứa lớn nhất trên địa bàn xã. Hiện tại xã chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô toàn xã, tuy nhiên các thôn trung tâm bước đầu đã có hệ thống cấp nước riêng.

+ Trong giai đoạn đến năm 2025 sử dụng nguồn nước chính tại hồ Tam Hoa thông qua bể lọc dẫn đến các bể điều hòa cấp cho khu vực, kết hợp với nguồn nước tự chảy, nước ngầm hiện có, cấp nước sinh hoạt cho các thôn dân cư chưa có nguồn cấp nước tập trung. Đến năm 2030 phấn đấu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 100%, Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững tăng lên từ 50% -70% hoàn thành xây dựng công trình cấp nước tập trung theo quy mô mỗi thôn cho các thôn còn lại. Mạng lưới cấp nước được thiết kế cụ thể theo dự án đầu tư.

- Nước cho chữa cháy được lấy từ nguồn nước sinh hoạt và hệ thống suối, mương tự nhiên trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống cấp nước chữa cháy nằm trong phạm vi vùng đường ống cấp nước sinh hoạt, cấp nước tại chỗ, ô tô cứu hoả lấy nước từ các trụ chữa cháy, các trụ chữa cháy có khoảng cách 120m - 150m.

7.4. Cấp nước tưới sản xuất.

- Hiện xã đang sử dụng hệ thống kênh mương tưới đã được đầu tư xây dựng và mương đất tự nhiên, tuy nhiên đến nay một số đã xuống cấp cần đầu tư xây dựng để đảm bảo yêu cầu.

- Để phục vụ sản xuất nông nghiệp cần giải quyết vấn đề nước tưới, định hướng quy hoạch xã đề xuất xây dựng mới 01 trạm bơm, nguồn nước sử dụng nước hồ Tam Hoa, địa điểm nằm trong vùng nước dâng, trạm bơm này cơ bản phục vụ tưới cho toàn bộ các cánh đồng khu vực lân cận thiếu nước.

- Hệ thống kênh mương: xây dựng tuyến mương dẫn nước khu vực trạm bơm mới xây dựng, cải tạo, nâng cấp các đập dâng tại các suối hiện trạng khai thông mương dẫn đáp ứng nhu cầu nước tưới cho nông nghiệp, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện quy hoạch theo nhu cầu kiên cố hóa tuyến mương và sửa chữa một số đập, phai đang xuống cấp trên địa bàn xã.

7.5. Cấp điện.

- Dự báo nhu cầu dùng điện giai đoạn đầu đến năm 2025 là: 790kVA, giai đoạn sau đến năm 2030: 1.250 kVA. Nguồn điện của xã hiện đang sử dụng mạng lưới trung thế quốc gia 35KV.

- Với số lượng 8 trạm biến áp trên địa bàn xã như hiện tại đã đủ đáp ứng nhu cầu điện toàn xã đến 2025 và giai đoạn đầu 2026-2030, đến năm 2030 căn cứ tình hình thực tế có thể đầu tư xây dựng bổ sung. Các trạm biến áp cấp điện áp 35/0,4kv được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện.

- Lưới điện: cải tạo nâng cấp lưới trung thế hiện trạng 35kv theo cấp điện áp chuẩn ngành, đường dây khuyến khích sử dụng dây bọc cách điện.

- Lưới điện hạ áp 0,4kv hiện trạng được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện cho các thôn, dây dẫn sử dụng dây bọc cách điện.

7.6. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.

a) Thoát nước thải.

- Dự báo tổng lượng thải đến năm 2025 = 206,58 m³/ng.đ, đến năm 2030 = 361,27 m³/ng.đ.

- Giai đoạn đầu nước bẩn được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thoát nước. Giai đoạn sau khu vực trung tâm đông dân cư và các công trình công cộng, dịch vụ thương mại sẽ dùng giải pháp thoát nửa riêng; bổ sung các tuyến cống bao, giếng tách nước bẩn tại các cửa xả nước mưa để thu nước bẩn về trạm xử lý tập trung của xã.

- Các hộ dân mật độ thấp tại các thôn sử dụng nhà vệ sinh 2 ngăn, nhà vệ sinh sử dụng bể tự hoại hợp cách. Các hộ chăn nuôi sử dụng giải pháp các bể Biogas sử dụng khí đốt và phân bón cho nông nghiệp.

- Nước thải y tế, nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xử lý theo quy định, tiêu chuẩn hiện hành.

b) Quy hoạch thu gom chất thải rắn, nghĩa trang.

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn giai đoạn đến năm 2025 = 5,19 tấn/ng.đ, đến năm 2030 = 5,82 tấn/ng.đ.

- Chất thải rắn của xã được thu gom tập trung, chất thải cần được phân loại tại nguồn trước khi cho vào thùng chứa rác, chất thải rắn vô cơ được thu gom định kỳ và tận dụng tái chế, chất thải rắn hữu cơ được thu gom trong ngày vận chuyển đến khu tập kết, trung chuyển rác thải của xã tại thôn Lương Minh (gần mỏ đá vôi Lũng Khừ I), với quy mô diện tích khoảng 0,2 ha sau đó đưa đến khu xử lý của huyện để xử lý.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn đến năm 2030: chỉ tiêu 0,04ha/1000 người. Tổng nhu cầu đất nghĩa trang trên toàn xã đến năm 2030 là: 0,2ha. Theo hiện trạng sử dụng đất, trên địa bàn xã đã có ít nhất 3 nghĩa trang tập trung tại trung tâm xã Hưng Vũ. Định hướng đến năm 2030 là vẫn giữ nguyên mà quy mô đất xây dựng các nghĩa trang.

+ Các khu nghĩa trang hiện có rải rác tại các khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp cần được từng bước hạn chế và đóng cửa khoanh vùng cây xanh. Chuyển dân ra khỏi khu trung tâm xã, vùng tập trung đông khu dân cư. Cần tuyên truyền, giải thích cho người dân dần thích nghi với tập quán chôn cất tập trung vì môi trường sức khỏe của cộng đồng.

+ Dự kiến khu nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang

trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối. Định hướng xây dựng khu nghĩa trang theo hình thức công viên nghĩa trang, nhiều cây xanh.

7.7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục hạ tầng viễn thông thụ động:

- Tăng cường cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cho xã đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin về mọi mặt của đời sống xã hội góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, hoạt động của chính quyền xã.

- Tuân thủ theo Quy hoạch chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Thực hiện đầu tư, xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở, tạo điều kiện để người dân ở nông thôn nâng cao mức hưởng thụ thông tin.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống loa đài phát thanh truyền tin, đến từng thôn bản.

- Nâng cấp hệ thống phát sóng truyền hình sóng di động mục tiêu phủ sóng 4G, 5G trên địa bàn toàn xã.

8. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần môi trường: tác động đến môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn, môi trường đất, chất thải rắn, nghĩa trang và hệ sinh thái.

- Đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của đề án quy hoạch.

- Giải phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường; giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường.

9. Phân kỳ đầu tư:

9.1. Giai đoạn đến 2025:

a) Hạ tầng xã hội:

- Thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn, hoàn thiện sân TDTT xã, sân TDTT thôn đảm bảo theo quy định.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông đối ngoại:

+ Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông liên xã đạt chuẩn cấp A miền núi

+ Mở rộng các tuyến đường xã hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã.

+ Thường xuyên kiểm tra sạt lở, bảo dưỡng thường xuyên đối với các tuyến giao thông chính

+ Phân đầu đạt tiêu chuẩn, tiêu chí về giao thông theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao;

+ Đường nội đồng, giai đoạn đầu cải tạo nâng cấp các tuyến nội đồng hiện có, mở rộng nền đường, giai đoạn sau khi ngành sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ khoa học, cơ giới hóa cần cứng hóa bê tông các tuyến chính nội đồng, chiều rộng nền trung bình $3,5 \div 4,0\text{m}$.

9.2. Giai đoạn 2026 - 2030:

a) Hạ tầng xã hội:

- Xây mới hoàn thiện khu hành chính công cộng xã: Xây mới trụ sở Đảng Ủy- HĐND-UBND xã, mở rộng trụ sở Công an xã, xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã, mở rộng và bổ sung cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm xã:

+ Các công trình dịch vụ thương mại, du lịch.

+ Các công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình dịch vụ xã hội trên địa bàn xã.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: đầu tư xây dựng đường trục xã (đoạn qua trung tâm xã), các tuyến đường thôn đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: cấp nước, cấp điện, thoát nước và thông tin liên lạc.

- Cấp nước sinh hoạt: đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho các thôn chưa được cấp. Cứng hóa 100% tuyến mương, phai đập. Cải tạo, sửa chữa các phai nước, đập dâng xuống cấp trên địa bàn xã.

- Đến năm 2030 tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%

- Phân đầu giữ vững các chỉ tiêu tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã đạt được tiếp tục phân đầu đạt 04/04 tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu

10. Khái toán tổng mức đầu tư:

10.1. Khái toán nhu cầu vốn

Khái toán tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện QHC giai đoạn 2021- 2030 của xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn là 467,380 tỷ đồng, trong đó:

+ Quy hoạch là 6.780 triệu đồng, chiếm 1,45 % tổng vốn đầu tư;

+ Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội 426.600 triệu đồng, chiếm 91,27% tổng vốn đầu tư.

+ Phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất 12.000 triệu đồng, chiếm 2,57% tổng vốn đầu tư.

+ Phát triển văn hóa, xã hội và môi trường 17.000 triệu đồng, chiếm 3,64% tổng vốn đầu tư.

+ Hệ thống chính trị 5.000 triệu đồng, chiếm 1,07% tổng vốn đầu tư.

10.2. Phân nguồn vốn đầu tư:

a) Ngân sách Nhà nước

- Ngân sách huyện;
- Ngân sách xã (nếu có);
- Nguồn đầu tư từ các trương trình lồng ghép;

b) Nguồn huy động từ các doanh nghiệp.

- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các lĩnh vực, công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, Nhà nước tạo điều kiện cho doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển sản xuất, hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Nguồn nâng cấp hệ thống điện sản xuất, sinh hoạt do ngành điện đầu tư theo chương trình nâng cấp, cải tạo hệ thống điện nông thôn, các doanh nghiệp cung cấp bán nước sạch. Huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư một số dự án khác trồng trọt, chăn nuôi...

- Nguồn đầu tư của các doanh nghiệp vào đầu tư kinh doanh hạ tầng, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

c) Nguồn vốn từ xã hội hoá

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân địa phương có ý thức gìn giữ và bảo vệ, duy tu, cải tạo các công trình phúc lợi của địa phương phấn đấu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, bao gồm: chương trình nước sạch, duy tu, nâng cấp các di tích lịch sử, văn hoá.

d) Nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân.

Tổ chức phát động, tuyên truyền, phổ biến, vận động các tầng lớp nhân dân hiểu và cả tầng lớp chính trị tham gia về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Các khoản đóng góp, huy động sức dân bằng nhiều hình thức (tiền mặt, vật tư và giá trị ngày công tham gia xây dựng các công trình thuộc đề án trên địa bàn) theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân. Phấn đấu một lao động tham gia đóng góp 1,1 - 1,2 triệu đồng/năm vào các dự án thực hiện trên địa bàn.

11. Đề xuất ưu tiên đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Trường học; Trạm y tế xã.
2. Hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn.
3. Nhà văn hóa xã; Khu thể thao xã, nhà văn hóa thôn.

4. Đường giao thông theo thứ tự đường thôn, nội thôn, nội đồng, xóm-ngõ.
5. Công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông - thủy lợi; Đường nước sạch; Thu gom rác thải.
6. Công trình Thương mại - Dịch vụ, du lịch và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

12. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch (Có Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các đơn vị liên quan công bố công khai nội dung đồ án quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt và thực hiện quản lý theo Quy chế quản lý xây dựng đúng với quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn Phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài Nguyên và Môi Trường, Văn hóa và Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thị Thanh Nga